CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Bao bì Tân Khánh An

Ngày 31/12/2024	3,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	0.0%	0.0%

DT thuần
Q4/24
tỷ VNĐ

LN thuần
Q4/24
tỷ VNĐ

LN sau thuế
Q4/24
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT
2024
7.6%
YoY: +/-▼ 0.0%

ROE
2024
19.4%
YoY: +/-▼ 0.5%

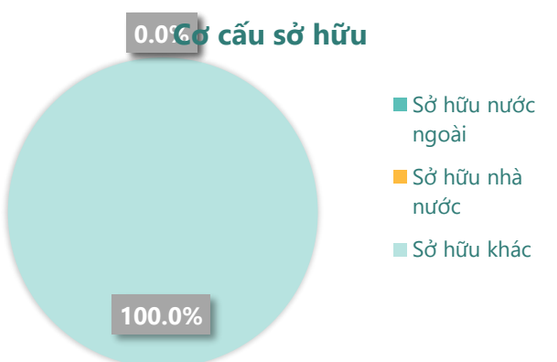
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,900 - 3,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	15
Số lượng CPLH (CP)	3,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.00)
EPS	
P/E	

DT thuần
2024
178
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.00| -2.4%

LN thuần
2024
13.5
tỷ VNĐ

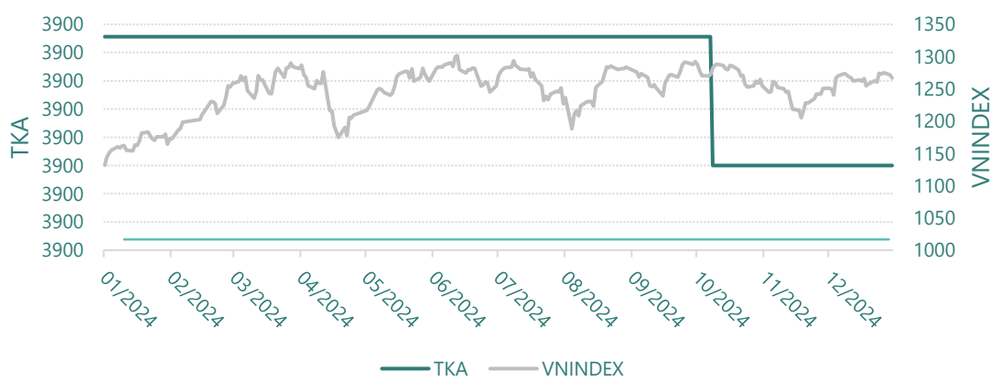
LN sau thuế
2024
10.8
tỷ VNĐ

Cơ cấu sở hữu

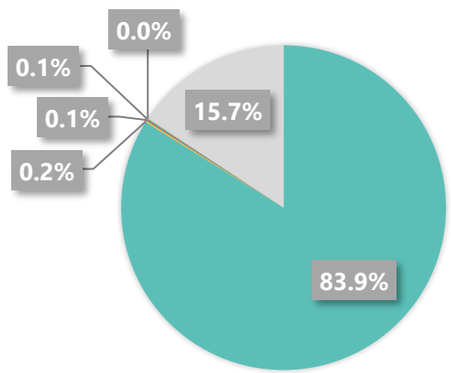


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

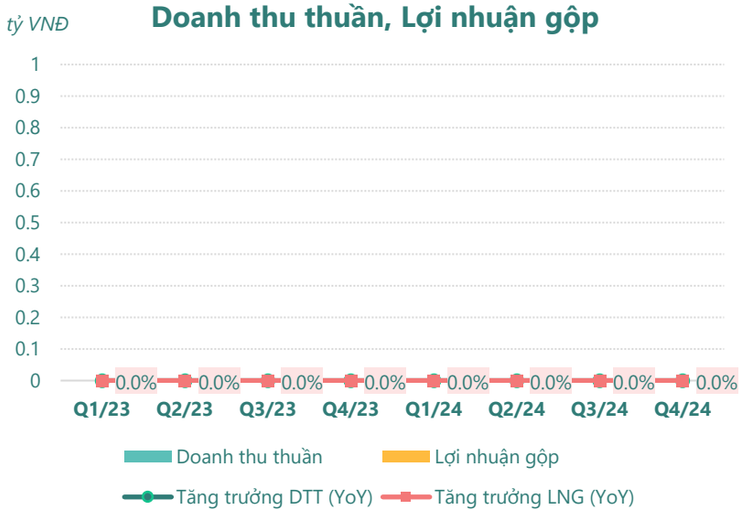


- Tổng Công ty Khánh Việt
- Phạm Thanh Hà (Thành viên HĐQT)
- Trần Anh Giang (Thành viên HĐQT)
- Lê Văn Tuấn (Kế toán trưởng)
- Nguyễn Quang Long (Thành viên Ban kiểm soát)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

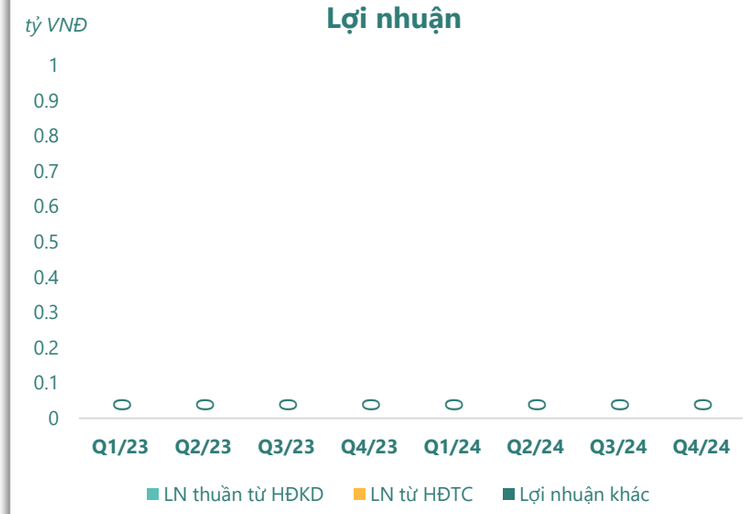
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



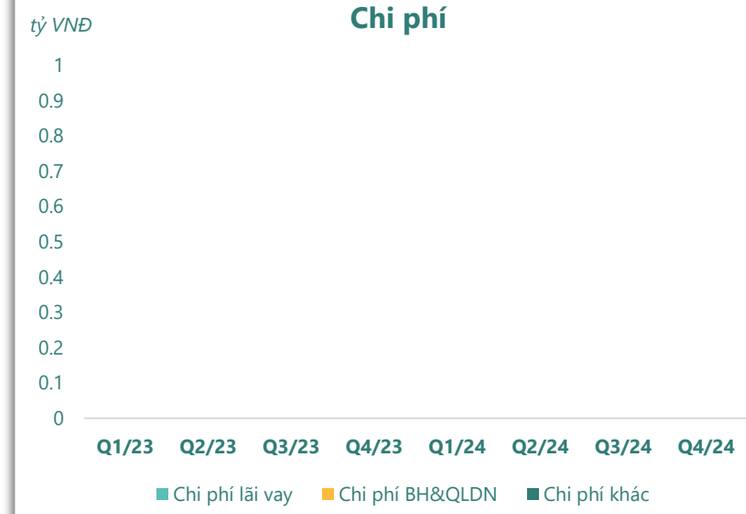
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



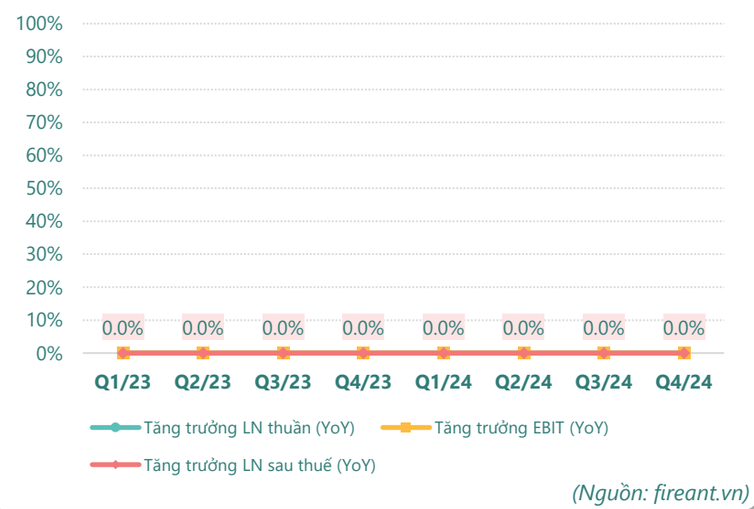
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



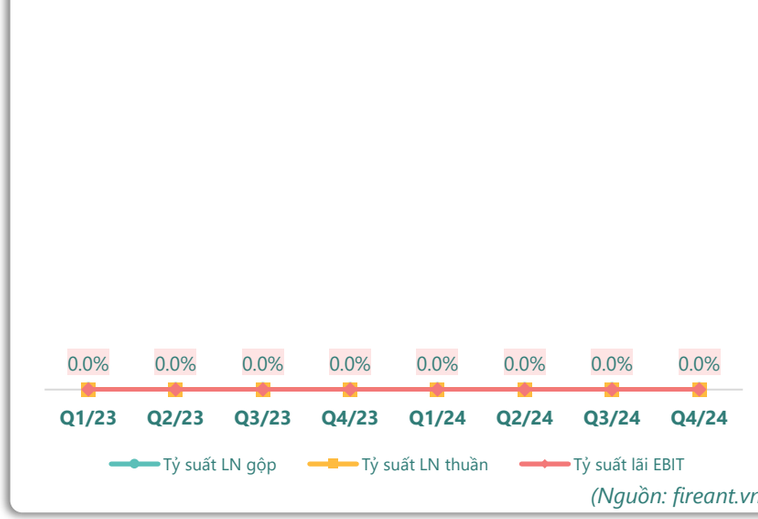
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



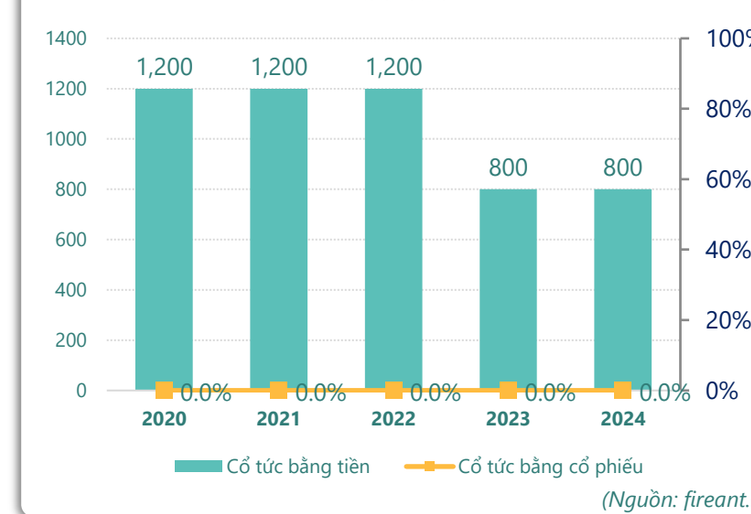
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

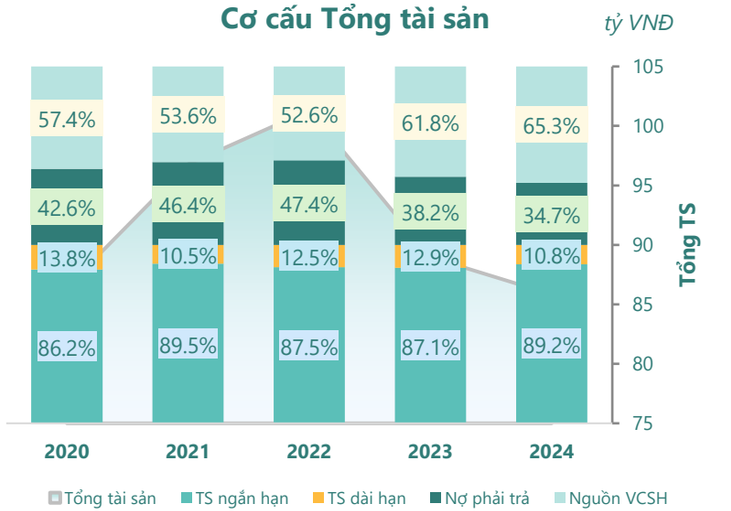
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

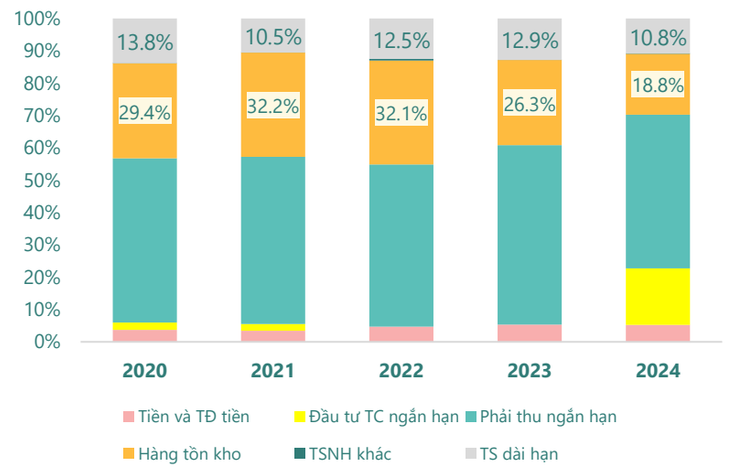
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



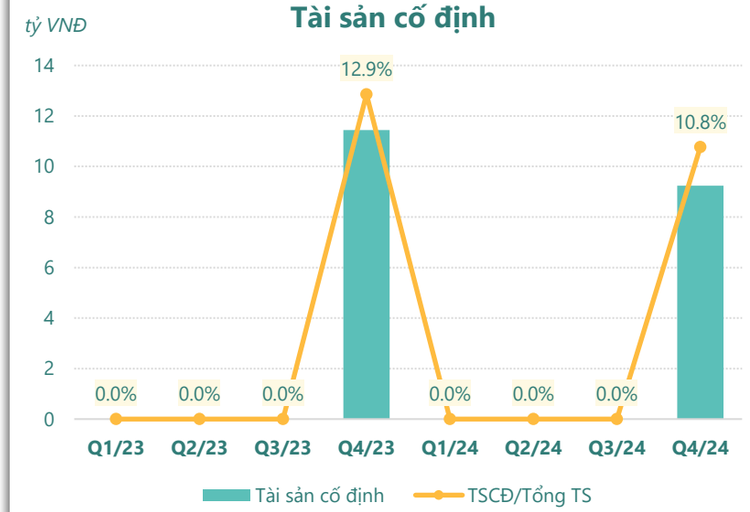
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



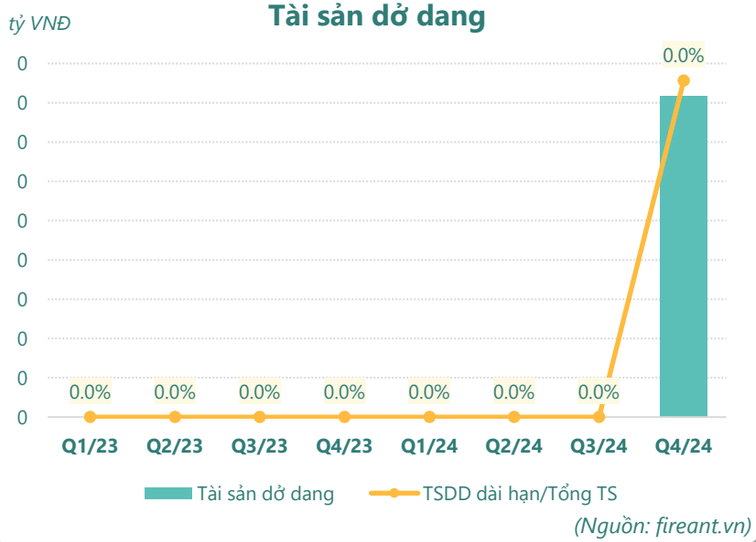
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



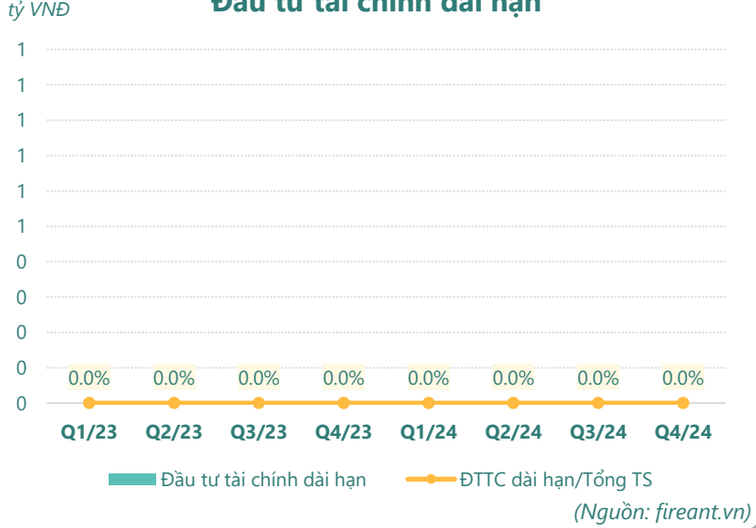
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



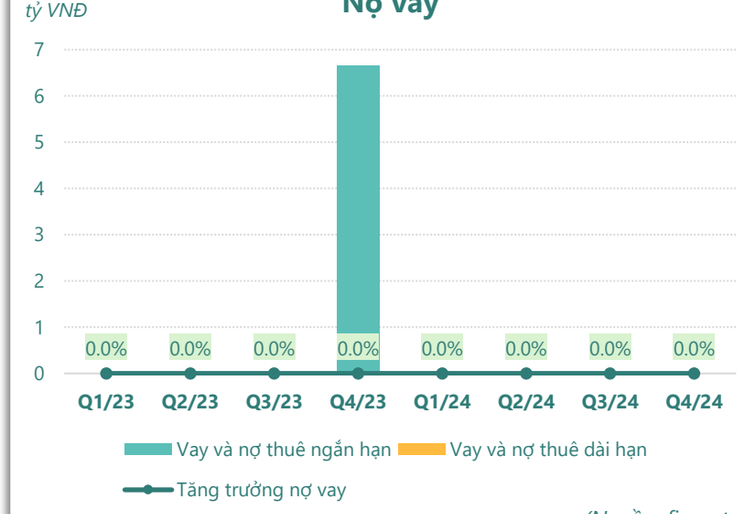
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

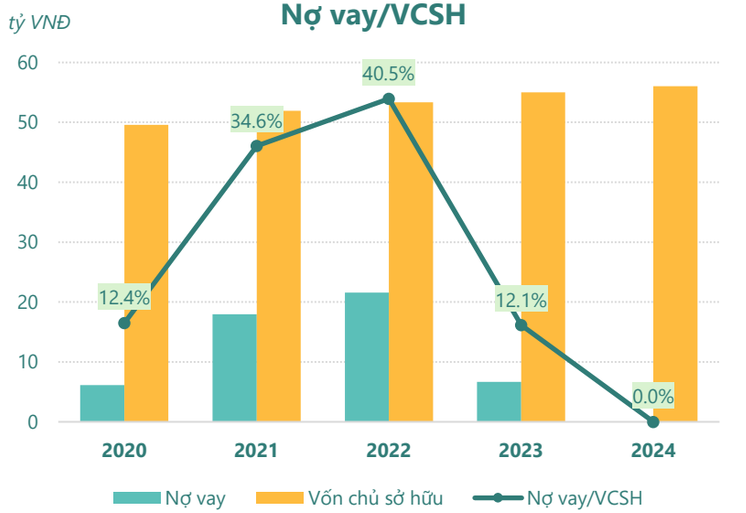
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

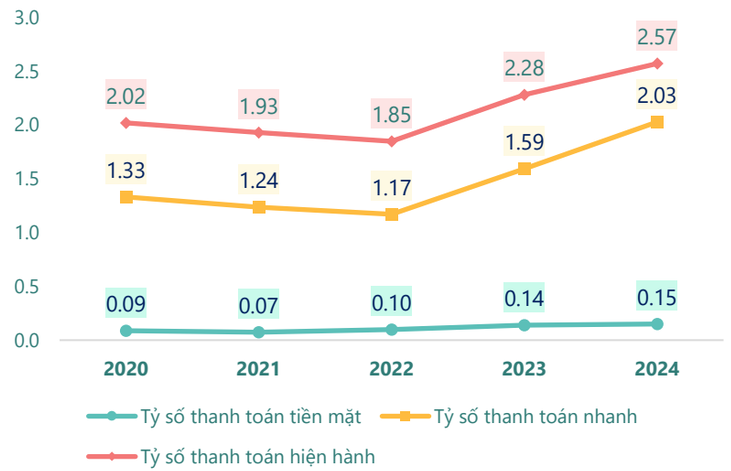
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



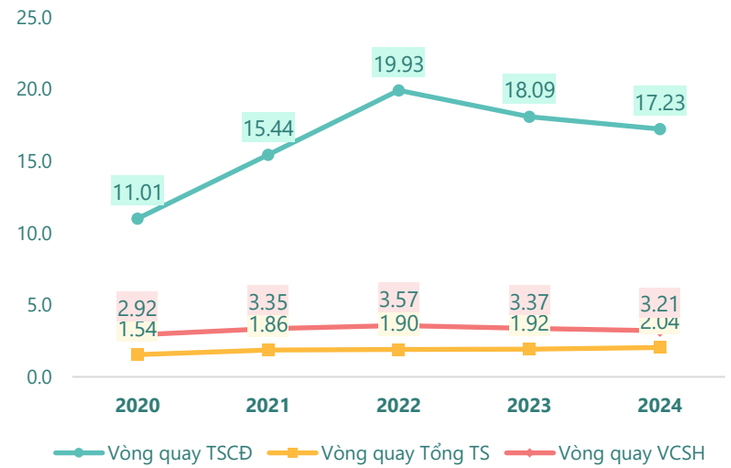
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



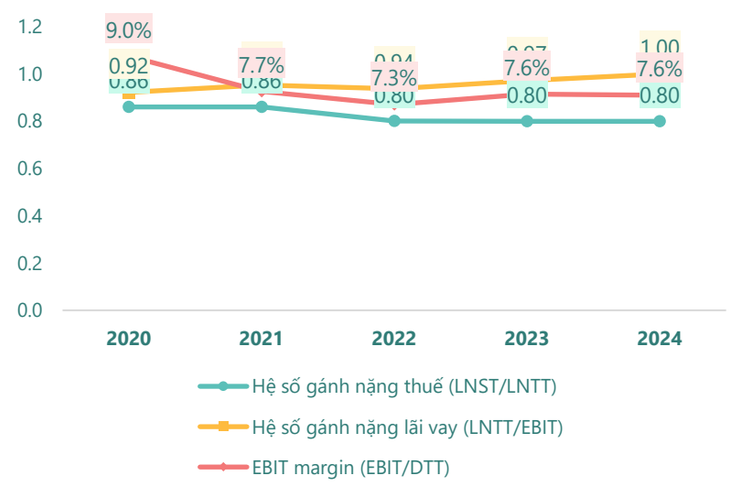
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



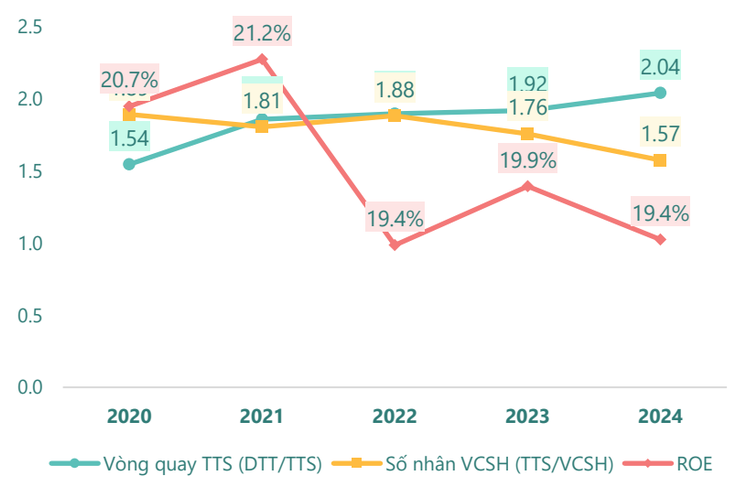
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



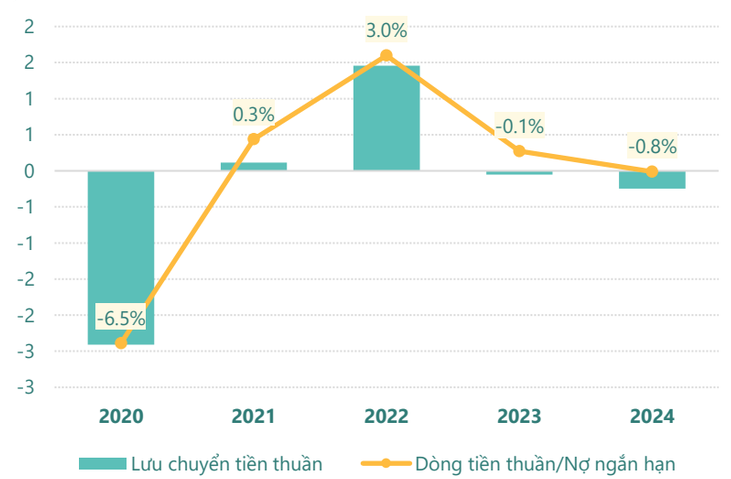
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần				**178**	**183**	**-2.4%**
Giá vốn hàng bán				150	154	-2.2%
Lợi nhuận gộp				27.8	28.9	-3.7%
Doanh thu HĐTC				0.33	0.22	47.2%
Chi phí TC				0.01	0.40	-98.1%
Chi phí lãi vay				0.01	0.40	-98.1%
LN trong công ty LKLD				**0**	**0**	
Chi phí bán hàng				7.14	7.00	1.9%
Chi phí QLDN				**7.50**	**8.20**	**-8.5%**
LN thuần từ HĐKD				13.5	13.5	0.0%
Lợi nhuận khác				**0.00**	**0.02**	**-127%**
LN trước thuế				13.5	13.5	-0.1%
Lợi nhuận sau thuế				**10.8**	**10.8**	**-0.2%**
LNST của CĐ cty mẹ				**10.8**	**10.8**	**-0.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**85.8**	**89.0**	**-3.5%**
Tài sản ngắn hạn	76.6	77.5	-1.2%
Tiền và tương đương tiền	4.47	4.72	-5.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.0	0	
Phải thu ngắn hạn	40.8	49.4	-17.3%
Hàng tồn kho	16.2	23.4	-31.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.09	0.00	71331%
Tài sản dài hạn	**9.26**	**11.4**	**-19.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	9.24	11.4	-19.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.02	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	29.8	34.0	-12.4%
Nợ ngắn hạn	**29.8**	**34.0**	**-12.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	6.65	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.3	11.9	11.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**56.0**	**55.0**	**1.9%**
Vốn chủ sở hữu	**56.0**	**55.0**	**1.9%**
Vốn điều lệ	38.0	38.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)